**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP.HCM KIỂM TRA HKII – NH: 2021– 2022**

 **TRƯỜNG THCS, THPT NGUYỄN BỈNH KHIÊM MÔN ĐỊA LÝ – KHỐI 11**

 **---------------------** Thời gian làm bài: 45 phút không kể thời gian phát đề

 **ĐÁP ÁN 001**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CÂU** |  **NỘI DUNG** | **ĐIỂM** |
| **1** |  **Trình bày điều kiện tự nhiên miền Tây và miền Đông của Trung Quốc**.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐKTN** | **Miền Tây** | **Miền Đông** |
| Địa hình | Gồm các núi cao, các sơn nguyên và bồn địa xen lẫn. | Núi thấp, đồng bằng. |
| Đất đai | Cát, đất núi cao | Phù sa, hoàng thổ |
| Khí hậu | Ôn đới lục địa núi cao, khắc nghiệt. Ít mưa | Cận nhiệt và ôn đới gió mùa. Mưa nhiều |
| Sông ngòi | Thượng lưu các sông lớn | - Sông lớn, nhiều nước.- Là nơi các con sông lớn đổ nước vào. |
| Khoáng sản | Giàu khoáng sản, đặc biệt là dầu mỏ, than, sắt, … | Khoáng sản đa dạng, có trữ lượng lớn, đặc biệt là dầu mỏ, kim loại màu. |
| Thuận lợi | - Thuỷ điện, chăn nuôi gia súc lớn, du lịch. | Phát triển nhiều ngành KT: Nông nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, kinh tế biển. |
| Khó khăn | - Khí hậu khô hạn, nhiều hoang mạc.- Địa hình hiểm trở, hạn chế GTVT. | - Nhiều bão, gây lụt lội ở các đồng bằng, đặc biệt là đồng bằng Hoa Nam. |

   | **3,0**0,50,250,250,50,50,50,5 |
| **2** |  **a/ Trình bày đặc điểm tự nhiên của Đông Nam Á lục địa.** * + Địa hình: Đồi núi chiếm 60 % diện tích, bị chia cắt mạnh. Có nhiều đồng bằng lớn.
	+ Sông ngòi: Mạng lưới sông ngòi dày đặc, nhiều sông lớn.
	+ Đất đai: Đất phù sa, đất feralit.
	+ Khí hậu: Nhiệt đới gió mùa, có sự phân hoá theo mùa và độ cao.
	+ Khoáng sản: Giàu có như: Than, sắt, thiếc, dầu mỏ, …

 **b/ Kể tên các nước thuộc ĐNÁ.**Mianma, Thái Lan, Lào, Campuchia, Việt Nam, Malaixia, Philippin, Brunây, Inđônêxia, Đông Timo, Xingapo. | **2,0**0,50,250,250,250,250,5 |
| **3** | **a/Đánh giá những thuận lợi và khó khăn điều kiện tự nhiên của Đông Nam Á.*** Thuận lợi:

- Khí hậu nóng ẩm, đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng.- Giàu khoáng sản thuận lợi cho phát triển công nghiệp- Có tài nguyên rừng phong phú, có tiềm năng lớn về thủy điện- Thuận lợi để phát triển tổng hợp kinh tế biển* Khó khăn:

- Chịu nhiều thiên tai như động đất, sóng thần, bão, lũ lụt, … do vị trí nằm sát “vành đai lửa Thái Bình Dương” và là nơi hoạt động của các áp thấp nhiệt đới.- Tài nguyên rừng và khoáng sản bị suy giảm mạnh quá mức nên cần khai thác và**b/ Các trung tâm công nghiệp rất lớn của Trung Quốc**: Bắc Kinh, Thượng Hải, Vũ Hán, Trùng Khánh, Quảng Châu. | **3,0**0,50,250,250,50,250,250,50,5 |
| **4** | **Câu 4( 2 điểm):** Cho bảng số liệu sau:Giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam, giai đoạn 1995-2014(Đơn vị: triệu USD)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **NĂM** | **1995** | **2005** | **2010** | **2014** |
| XUẤT KHẨU | 5 448,9 | 32 447,1 | 72 236,7 | 150 217,1 |
| NHẬP KHẨU | 8 155,4 | 36 761,1 | 84 838,6 | 147 849,1 |

a/ Vẽ biểu đồ thể hiện giá trị xuất nhập khẩu của Việt Nam giai đoạn 1995-2014.b/ Nhận xét. \*Vễ biểu đồ cột ghép chính xác, điền đầy đủ đơn vị,tên biểu đồ, chú thích…. **\***Nhận xét đầy đủ, có dẫn chứng. | **2,0**1,50,5 |

 **HẾT**